

Số: **228/2021/QĐST-HNG**□

TP. Tuyên Quang, ngày 23 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Xét thấy: Ngày 23 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn là chị Châu Thị L có Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và được Tòa án chấp nhận thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Châu Thị L**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Nậm Đíp, xã L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Lương Văn N**, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 04, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí: Chị Châu Thị L và anh Lương Văn N không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Châu Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001121 ngày 30 tháng 6 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

